

quân sự tỉnh thành lập và được sự duyệt y của Bộ tư lệnh quân khu thì do ngân sách Nhà nước đài thọ; nếu cán bộ, công nhân viên chức đó thuộc cơ quan, xí nghiệp trung ương thì tiền lương và phụ cấp do ngân sách trung ương cấp phát qua Bộ chủ quản; nếu cán bộ, công nhân, viên chức ấy thuộc cơ quan, xí nghiệp địa phương thì do ngân sách địa phương cấp phát qua ngành chủ quản. Kinh phí này ghi vào loại VI, khoản 68, hạng 3 trong mục lục ngân sách Nhà nước.

5. Các khoản kinh phí cho dân quân tự vệ làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải trên các tuyến đường do các nguồn vốn giao thông và vận tải đài thọ theo các quy định giữa Bộ Tài chính và các ngành có liên quan.

Các khoản chi phí cho dân quân tự vệ làm nhiệm vụ bảo vệ, sửa chữa đê điều, công trình thủy lợi do các nguồn vốn về đê điều và thủy lợi đài thọ theo các quy định giữa Bộ Tài chính và các ngành có liên quan.

VI. THỦ TỤC LẬP DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN

1. Phần do ngân sách địa phương đài thọ.

Về việc lập dự toán, quyết toán và xét duyệt chi tiêu cho dân quân tự vệ, quân nhân dự bị ở nông thôn, đường phố làm nhiệm vụ huấn luyện quân sự, chiến đấu và phục vụ chiến đấu thì Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ tư lệnh thành phố và Sở, Ty Tài chính tỉnh, thành phố chấp hành theo thông tư liên Bộ Tài chính — Quốc phòng số 10-TT/LB ngày 29-2-1964.

Dự toán và quyết toán chi tiêu cho dân quân tự vệ, quân nhân dự bị là cán bộ, công nhân, viên chức trong các ngành, các đơn vị cơ sở của Nhà nước thuộc địa phương quản lý thì do các Sở, Ty chủ quản lập, cơ quan quân sự cấp huyện, thị hoặc tương đương trở lên xác nhận, và gửi cho Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố xét duyệt đồng gửi cho Sở, Ty Tài chính tỉnh, thành phố.

2. Phần do ngân sách trung ương đài thọ.

Dự toán và quyết toán chi tiêu cho dân quân tự vệ, quân nhân dự bị là cán bộ, công nhân, viên chức trong các ngành, các đơn vị cơ sở của Nhà nước thuộc trung ương quản lý thì các Bộ, các ngành chủ quản căn cứ vào dự trù của các cơ sở đã được cơ quan quân sự địa phương cấp huyện, thị hoặc tương đương trở lên xác nhận (nếu là đơn vị cố định thuộc sự chỉ đạo và chỉ huy của cơ quan quân sự địa phương) hoặc đã được Ban quân sự của ngành xác nhận (nếu là đơn vị lưu động trực thuộc Ban quân sự của ngành) mà lập và gửi cho Bộ Tài chính xét duyệt (Loại IV — khoản 68 — hạng 3).

Thông tư này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày ký. Các địa phương, các Bộ, các ngành chủ quản đã tạm ứng chi tiêu cho dân quân tự vệ, quân nhân dự bị trước ngày đó thì được quyết toán theo đúng những điều quy định trong thông tư này.

Hà-nội, ngày 13 tháng 12 năm 1972

K.T. Bộ trưởng
Bộ Quốc phòng
Thiếu tướng
NGUYỄN ĐÓN

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thủ trưởng
ĐÀO THIÊN THI

BỘ NỘI VỤ

**THÔNG TƯ số 10-NV ngày 24-5-1972
về việc đổi sổ trợ cấp thương tật và
việc quản lý thi hành chế độ đối với
thương binh bị thương trong cuộc kháng
chiến chống Pháp.**

Hiện nay, có hai chế độ thương tật đang được song song thi hành đối với thương binh: chế độ phụ cấp thương tật theo tiêu chuẩn thương tật 6 hạng áp dụng đối với thương binh, dân quân du kích, thanh niên xung phong bị thương trong cuộc kháng chiến chống Pháp (dưới đây gọi tắt là thương binh cũ) và chế độ trợ cấp thương tật theo tiêu chuẩn thương tật 8 hạng áp dụng đối với thương binh và những người bị thương trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (dưới đây gọi tắt là thương binh mới).

Trong khi chưa nghiên cứu thống nhất chế độ trợ cấp thương tật đối với thương binh được, trước mắt, để việc thi hành chính sách được thuận tiện và việc quản lý thương binh được chặt chẽ, cần thống nhất việc quản lý và thi hành chế độ giữa thương binh cũ và thương binh mới (về sổ trợ cấp, về cách quản lý và về kinh phí cấp phát trợ cấp).

Sau khi trao đổi thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể việc đổi sổ trợ cấp thương tật, việc đăng ký quản lý và về kinh phí trợ cấp thương tật đối với thương binh cũ như sau:

I. VIỆC ĐỔI SỔ TRỢ CẤP

Trước đây, mỗi thương binh cũ được cấp một sổ phụ cấp thương tật dùng để lĩnh phụ cấp và một giấy chứng nhận thương binh dùng để hưởng các chế độ ưu đãi.

Nay quy định đổi lại cho mỗi thương binh cũ một sổ trợ cấp thương tật giống như sổ

của thương binh mới (khác với sổ của thương binh mới là ở trang 4 của sổ, phía trên ảnh của thương binh, có đóng dấu « thương binh chống Pháp »), vừa dùng để hưởng các chế độ ưu đãi, vừa dùng để lĩnh phụ cấp thương tật.

1. Việc đổi sổ trợ cấp thương tật cho thương binh cũ do Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố phụ trách. Các Ty, Sở Thương binh xã hội chịu trách nhiệm giúp Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố đổi sổ cho những thương binh chính thức cư trú tại địa phương mình, gồm thương binh về gia đình, thương binh đang ở các trại, trường thương binh của địa phương hoặc của trung ương đóng tại địa phương thương binh công tác ở các cơ quan, xí nghiệp, công nông lâm trường, các trường học của địa phương hoặc của trung ương đóng tại địa phương.

Riêng đối với những thương binh cũ còn tại ngũ thì Bộ Nội vụ sẽ bàn với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, rồi sẽ có hướng dẫn sau.

2. Việc đổi sổ trợ cấp thương tật cho thương binh cũ tiến hành như sau :

a) Các địa phương phải phổ biến cho thương binh biết chủ trương đổi sổ, hướng dẫn mỗi thương binh làm 2 bản khai hưởng trợ cấp thương tật (theo mẫu in sẵn) có chứng nhận của Ủy ban hành chính xã, khu phố (nếu là thương binh về gia đình) hoặc của cơ quan, xí nghiệp, của trại, trường (nếu là thương binh đang công tác, đang ở các trại, trường thương binh) để bổ sung cho hồ sơ cũ (gửi về Bộ 1 bản) và dùng làm tài liệu quản lý ở địa phương (các địa phương lưu 1 bản). Cần nắm chắc số thương binh thuộc địa phương mình quản lý để có kế hoạch hướng dẫn kê khai được nhanh, gọn.

b) Nơi nào đã trích lục được hồ sơ gốc của thương binh lưu tại Bộ thì đối chiếu bản trích lục đó với bản khai của thương binh và sổ phụ cấp cũ, nếu khớp nhau thì tiến hành đổi sổ nếu có những điểm không khớp nhau, hoặc có vấn đề nghi vấn (như giả mạo thương binh, được cấp 2 sổ phụ cấp...) thì phải nghiên cứu kỹ để giải quyết cho đúng hoặc hỏi lại Bộ trước khi giải quyết. Bộ sẽ đăng ký lại sổ sổ trợ cấp thương tật của thương binh để việc quản lý được chặt chẽ.

Nơi nào chưa có điều kiện trích lục hồ sơ gốc của thương binh, thì gửi hoặc cử cán bộ mang các bản khai của thương binh về Bộ để đăng ký lại sổ, rồi tiến hành việc đổi sổ mới cho thương binh (sau này sẽ làm trích lục để hoàn chỉnh hồ sơ quản lý tại địa phương).

Các sổ trợ cấp thương tật mới đều phải có dán ảnh của thương binh và đóng dấu mới có giá trị sử dụng.

3. Các địa phương phải đổi xong sổ trợ cấp cho thương binh cũ trong năm 1972, đề kè từ ngày 1-1-1973 trở đi tất cả thương binh cũ (trừ số thương binh còn tại ngũ) đều dùng sổ trợ cấp mới để hưởng các chế độ ưu đãi và lĩnh phụ cấp thương tật.

II. VIỆC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ

Cùng với việc đổi sổ trợ cấp, các địa phương phải tiến hành đăng ký, quản lý chặt chẽ thương binh cũ thuộc địa phương mình quản lý :

— Phải tổ chức lưu giữ cẩn thận hồ sơ của từng thương binh (gồm một bản trích lục hồ sơ một bản khai sổ cũ...) và phải mở sổ sách đăng ký theo dõi như hướng dẫn của Bộ tại công văn số 2083-CSTB ngày 28-7-1971.

— Khi có thương binh cũ chuyển đi địa phương khác, thì các Ty, Sở Thương binh xã hội phải làm đầy đủ thủ tục di chuyển như đối với thương binh mới.

III. VỀ KINH PHÍ CẤP PHÁT TRỢ CẤP

Trước đây, kinh phí trả phụ cấp thương tật cho thương binh cũ gồm nhiều nguồn : kinh phí trung ương (đối với thương binh còn tại ngũ), kinh phí địa phương (đối với thương binh về gia đình), kinh phí thuộc quỹ lương (đối với thương binh công tác ở các cơ quan hành chính sự nghiệp).

Sau khi đổi sổ trợ cấp, kể từ ngày 1-1-1973 trở đi, sẽ thống nhất nguồn kinh phí trả phụ cấp thương tật cho thương binh cũ vào ngân sách trung ương. Bộ Nội vụ sẽ cùng với Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc quản lý kinh phí và cấp phát phụ cấp thương tật cho thương binh cũ.

Đề nghị các địa phương có kế hoạch thực hiện nhanh, gọn và chính xác việc đổi sổ trợ cấp và quản lý thương binh cũ theo đúng hướng dẫn trên đây.

Trong khi thực hiện, có gì mắc mứu, các địa phương cần phản ánh kịp thời cho Bộ Nội vụ biết để nghiên cứu, giải quyết.

Hà-nội, ngày 24 tháng 5 năm 1972

K.T, Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

LÊ ĐÌNH THIỆP

HẾT NĂM 1972